ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 10/2026/QĐ-UBND	*Lạng Sơn, ngày 03 tháng 4 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Quy định phân cấp quản lý công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch số 35/2018/QH14, Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14, Luật Giá số 16/2023/QH15, Luật Tài nguyên nước số 28/2023/QH15, Luật Địa chất và Khoáng sản số 54/2024/QH15 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường số 146/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 40/2026/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;

Căn cứ Nghị định số 74/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi;

Căn cứ Thông tư số 20/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực thủy lợi;

Căn cứ Thông tư số 08/2026/TT-BNNMT ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 135/TTr-SNNMT ngày 10 tháng 3 năm 2026; Báo cáo số 280/BC-SNNMT ngày 25/3/2026;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định quy định phân cấp quản lý công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy định phân cấp quản lý công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn được đầu tư xây dựng bằng nguồn vốn ngân sách Nhà nước hoặc có nguồn gốc từ ngân sách Nhà nước được đưa vào khai thác, sử dụng.

2. Đối tượng áp dụng: Quyết định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động quản lý, khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

Điều 2. Phân cấp quản lý công trình thủy lợi

1. Phân cấp cho Ủy ban nhân dân các xã, phường quản lý các công trình thủy lợi sau:

a) Công trình đập, hồ chứa nước có chiều cao đập ($H_đ$) nhỏ hơn 10m hoặc dung tích toàn bộ nhỏ hơn 500.000 m^3 và có năng lực tưới nhỏ hơn 20 ha;

b) Công trình đập tràn phục vụ trong phạm vi một xã, phường có năng lực tưới nhỏ hơn 20 ha;

c) Trạm bơm điện, trạm bơm thủy luân phục vụ trong phạm vi một xã, phường có năng lực tưới, tiêu nhỏ hơn 20 ha;

2. Năng lực tưới để phân cấp quản lý theo khoản 1 Điều này căn cứ theo năng lực tưới thiết kế của công trình; đối với công trình không có hồ sơ, thông tin công trình căn cứ theo năng lực tưới thực tế.

3. Các công trình được phân cấp tại khoản 1 Điều này không bao gồm các công trình đã giao cho Doanh nghiệp quản lý, khai thác và tính thành phần vốn nhà nước tại Doanh nghiệp.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường:

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện Quyết định này.

b) Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện quyền, trách nhiệm của Chủ sở hữu công trình thủy lợi do cấp tỉnh quản lý theo quy định của Luật Thủy lợi và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức rà soát, thống kê công trình thuỷ lợi trên địa bàn tỉnh, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh giao quản lý, khai thác các công trình thủy lợi và tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi trên địa bàn tỉnh đảm bảo đúng theo quy định hiện hành.

d) Thực hiện trách nhiệm Chủ quản lý công trình đối với công trình do cấp tỉnh quản lý, tổ chức đặt hàng dịch vụ quản lý, khai thác các công trình thủy lợi do cấp tỉnh quản lý để cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi theo quy định. Hằng năm, xây dựng kế hoạch để kiểm tra công tác quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh.

đ) Hướng dẫn, đôn đốc các địa phương, các đơn vị có liên quan được giao quản lý, khai thác công trình thành lập, củng cố, kiện toàn tổ chức, bộ máy, bổ sung năng lực tổ chức thủy lợi cơ sở theo quy định của pháp luật.

e) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

2. Sở Tài chính:

a) Chủ trì, phối hợp Sở Nông nghiệp và Môi trường và các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí hỗ trợ sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi hằng năm; tham mưu bố trí kinh phí đầu tư duy tu, bảo dưỡng, nâng cấp, cải tạo công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh.

b) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức khai thác công trình thủy lợi và tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi theo thẩm quyền, thực hiện chế độ thông tin báo cáo theo quy định.

c) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

3. Ủy ban nhân dân các xã, phường:

a) Tuyên truyền, phổ biến Quyết định này tại địa phương.

b) Triển khai thực hiện các nhiệm vụ theo phân cấp tại quy định này và các quy định về thủy lợi liên quan, hằng năm tổng hợp tình hình quản lý, khai thác công trình thuỷ lợi trên địa bàn gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường trước ngày 20 tháng 02 hằng năm để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Nông nghiệp và Môi trường theo quy định.

c) Thực hiện quyền, trách nhiệm của Chủ sở hữu, Chủ quản lý công trình thủy lợi được phân cấp quản lý trên địa bàn theo quy định của Luật Thủy lợi và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

d) Thực hiện công tác lựa chọn, ký kết hợp đồng với các tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi theo phương thức đặt hàng; giám sát, nghiệm thu việc cung cấp và sử dụng sản phẩm, dịch vụ thủy lợi theo quy định của pháp luật.

đ) Thành lập, kiện toàn, củng cố tổ chức thủy lợi cơ sở để tham gia đầu tư, quản lý, khai thác vận hành công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng đáp ứng theo quy định tại Điều 31 Thông tư số 08/2026/TT-BNNMT ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi và theo quy định hiện hành.

e) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường và các đơn vị khai thác quản lý tốt công trình thủy lợi trên địa bàn; xem xét, đề nghị cấp có thẩm quyền cải tạo, sửa chữa, nâng cấp các công trình thủy lợi theo quy định.

g) Thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn theo khoản 3 Điều 57 Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 13 Luật số 146/2025/QH15.

h) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

4. Tổ chức, cá nhân quản lý, khai thác công trình thủy lợi

a) Hằng năm đánh giá hiện trạng công trình, đề xuất danh mục, kinh phí duy tu, bảo dưỡng, nâng cấp, cải tạo công trình thủy lợi do tổ chức, cá nhân khai thác vận hành; tổ chức thống kê, xây dựng và cập nhập các báo cáo và nội dung liên quan đến công tác quản lý, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi trên địa bàn vào cơ sở dữ liệu về thủy lợi của tỉnh; kiểm kê, đánh giá nguồn nước để xây

dựng kế hoạch cấp nước phục vụ sản xuất nông nghiệp và các nhu cầu dùng nước khác.

b) Xây dựng kế hoạch củng cố năng lực vận hành khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi phù hợp theo quy định này.

c) Triển khai thực hiện cắm mốc chỉ giới công trình thủy lợi theo quy định tại Điều 20 Thông tư số 08/2026/TT-BNNMT ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2026 và thay thế Quyết định số 26/2000/QĐ-UB ngày 27 tháng 4 năm 2000 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định phân cấp quản lý công trình thủy lợi và cơ chế, chính sách đầu tư xây dựng kiên cố hóa kênh mương; Quyết định số 52/2002/UB-QĐ ngày 13 tháng 11 năm 2002 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều khoản của Quy định về phân cấp quản lý công trình thủy lợi và cơ chế chính sách đầu tư xây dựng kiên cố hóa kênh mương (ban hành kèm theo Quyết định số 26/2000/QĐ-UB ngày 27 tháng 4 năm 2000 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn).

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 5;
- Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Thường trực Đảng ủy UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật, Bộ Tư pháp;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Các tổ chức chính trị - xã hội;
- Công ty TNHH MTV KTCT thủy lợi Lạng Sơn;
- Báo và PTTH Lạng Sơn;
- PCVP UBND tỉnh, các Phòng CM, Trung tâm Thông tin;
- Lưu: VT, KTCN(HĐN).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

Nguyễn Cảnh Toàn